TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 06- 3- 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Hương

Ông Ma Văn Hán

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hạ Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST- HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:Lý Mí V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004093007444; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chúng S (đã chết) và bà Chá Thị C, sinh năm 1957; vợ: Thào Thị D, sinh năm 1994, con: 02, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Mí C1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004092003308; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chúng S (đã chết) và bà Chá Thị C, sinh năm 1957; vợ: Sùng Thị S1, sinh năm 1995, con: 03, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm

2021; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Mí P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 02 năm 1995 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004095006735; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chúng S (đã chết) và bà Chá Thị C, sinh năm 1957; vợ: Sùng Thị L, sinh năm 2003, con: 01 con sinh năm 2024; tiền án: 01, Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 21/4/2020 của Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã kết án bị cáo về tội Hiếp dâm; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Sìa S2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 11 năm 1984 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004084003397; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chúng S (đã chết) và bà Chá Thị C, sinh năm 1957; vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1987, con: 04, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Mí D1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 3 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004090008215; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chúng S (đã chết) và bà Chá Thị C, sinh năm 1957; vợ: Thào Thị S3, sinh năm 1991, con: 03, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị Uỷ ban kiểm tra Huyện ủy B1 khai trừ ra khỏi Đảng ngày 29/11/2024; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Mí D2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 7 năm 1993 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004093001847; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Nhề L1 (đã chết) và bà Thào Thị D3; vợ: Hầu Thị H, sinh năm 2000, con: 03, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án: Không;

Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/3/2023, bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép theo Quyết định xử phạt hành chính số 14/QĐ-XPHC của Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Lý Mí L2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004094008576; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Nhề L1 (đã chết) và bà Thào Thị D3; vợ: Sùng Thị C2, sinh năm 1998, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa:*

+ Người bào chữa cho các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P: Bà Nguyễn Thị Dạ T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

+ Người bào chữa cho các bị cáo Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2: Ông Bế Kim T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

+ Người bào chữa cho các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2: Ông Nguyễn Đình S4 – Luật sư thuộc Trung tâm T3; Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Hoàng A T2; Địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ ngày 25/06/2024, Công an xã T và Công xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện B tiến hành tuần tra, kiểm soát tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện 01 cây gỗ nghiến bị chặt hạ tại vị trí có tọa độ E00460225; N02535227, tại lô số A, khoảnh 6, tiểu khu D, trạng thái rừng tự nhiên, núi đất, rừng lá rộng thường xanh nghèo do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng là chủ quản lý, vị trí cây gỗ bị chặt hạ thuộc rừng sản xuất.

Ngày 27/06/2024 Lý Sìa S2 đã đến Công an huyện B để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi chặt cây gỗ nghiến cùng với các đối tượng khác. Kết quả điều tra như sau:

Ngày 23/6/2024, Lý Mí V gặp Lý Mí P tại nhà của P, V rủ P đi chặt cây gỗ nghiến tại lô số 16, khoảnh 6, tiểu khu D, thửa đất số 40 thuộc địa phận xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng xẻ lấy gỗ để chia nhau làm cột nhà, P đồng ý. Vàng nói, cùng nhau góp tiền để mua xăng, V sẽ ứng tiền trước, khi nào có tiền thì P sẽ trả lại cho V sau. Khoảng 15 giờ cùng ngày, V gặp Lý Mí C1 tại nhà của Lý Sìa S2, V rủ C1 đi chặt cây gỗ nghiến, xẻ ra rồi chia nhau làm cột nhà, V nói, đã rủ được P rồi, V sẽ lấy tiền mua xăng và thức ăn trước, sau khi xẻ gỗ xong, C1 và P góp tiền trả lại cho V sau, C1 đồng ý. Cò và V rủ S2 đi chặt cây gỗ nghiến nhưng S2 đang bận trông con ốm nhưng C1 và V vẫn mời S2 đến nhà P ăn cơm tối. Do không đủ tiền nên V đã mượn Sinh 200.000 đồng rồi đi chợ mua thực phẩm về cất giữ tại nhà của P. Cò hỏi mượn máy cưa của S2, S2 đồng ý và nói máy cưa hiện đang ở nhà của Lý Mí D1, C1 đi đến nhà của D1, D1 không ở nhà nhưng C1 vẫn cầm chiếc máy cưa của S2 đi. Trên đường về C1 gặp D1, C1 rủ D1 đi chặt cây, D1 đồng ý. Sau đó, C1 còn rủ thêm Lý Mí D2 và Lý Mí L2. Mọi người đều đã tập trung tại nhà của P để cùng nhau đi chặt cây. Vàng vác máy cưa, P cầm theo 01 con dao quắm. Đến nơi V cầm dao phát quang các cây nhỏ xung quanh, còn D1 sử dụng chiếc máy cưa để cưa cây, tiếp theo D2 và Là thay phiên nhau cưa cây. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì S2 cũng đến và cầm máy cưa tiếp tục cưa cây nghiến, làm cho cây nghiến đổ xuống khe suối. Mọi người cùng nhau về nhà P ăn cơm tối.

Ngày 28/06/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, Hạt kiểm lâm huyện B tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đạc khối lượng gỗ và tiến hành thu mẫu gỗ để giám định. Kết quả đo đạc khối lượng gỗ: Phần gốc: 0,515m ; khúc 1 có chiều dài 14,7m, đường kính trung bình 1,04m, khối lượng là 12,481 m^3; khúc 2 có chiều dài 8,6m, đường kính trung bình 0,72m, khối lượng là 3,499 m^3; khúc 3 có chiều dài là 10,5m, đường kính trung bình 0,6m, khối lượng là 2,967 m^3. Tổng khối lượng cây gỗ là 19,462 m^3 .

Tại Bản kết luận số: 553/CNR- VP ngày 18/7/2024 kết luận: Cây gỗ trên là N, tên khoa học là B tonkinense (Excentrodendron tonkinense). Loại gỗ N (Burretiodendron tonkinense) được xếp nhóm II trong "Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước" ban hành kèm theo Quyết định số: 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ L3 – nay là Bộ N1. Loài cây gỗ N (Burretiodendron tonkinense) có tên trong nhóm II (HA) thuộc "Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm" theo Nghị Định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số: 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc

tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Toàn bộ phần gốc cây gỗ nghiến, các khúc cây được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giao cho Ủy ban nhân dân xã T trông coi, quản lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 máy cưa cầm tay màu vàng cam, đã qua sử dụng và 01 con dao quắm và đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSBL ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2 về Tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản của bản cáo trạng. Bị cáo Lý Sìa S2 đề nghị được trả lại 01 chiếc máy cưa; Các bị cáo đề nghị miễn án phí.

Nguyên đơn dân sự xác nhận, các bị cáo chặt hạ 01 cây gỗ nghiến thuộc số lô 16, khoảnh 6, tiểu khu D, trạng thái rừng rừng tự nhiên, núi đất, rừng lá rộng thường xanh nghèo, có chức năng là rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng là chủ quản lý. Tổng khối lượng cây gỗ nghiến là 19,462 m^3. Sau khi nghe các bị cáo trình bày tại phiên toà và tại địa phương cũng biết được, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, đều thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vì vậy, Ủy ban nhân dân xã T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, tạo điều kiện cho các bị cáo phát triển kinh tế gia đình.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2 phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Mí P. Xử phạt bị cáo Lý Mí P 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Mí D2. Xử phạt các bị cáo D2 từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2,

Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí L2. Xử phạt các bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; Trong đó, xử phạt bị cáo V mức hình phạt cao hơn các bị cáo, xử phạt bị cáo S2 mức hình phạt thấp hơn các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ phần gốc cây gỗ nghiến, các khúc cây; 01 máy cưa; Tịch thu, tiêu huỷ 01 con dao quắm.

Về trách nhiệm dân sự: Do nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Tại phiên toà, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, các bị cáo thuộc đối tượng miễn án phí đề nghị miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo là Luật sư Nguyễn Đình S4, Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Dạ T, Bế Kim T1 trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh, điều khoản áp dụng đối với các bị cáo theo điểm b, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự; Nhất trí về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Lý Mí P theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị áp dụng tình tiết người phạm tội tự thú theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Sìa S2; Về hình phạt: Đối với 05 bị cáo có nhân thân tốt là Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí L2 đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xử phạt các bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù cho hưởng án treo; các bị cáo có nhân thân xấu là Lý Mí P và Lý Mí D2, đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù. Nhất trí với đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về xử lý vật chứng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

Đại điện Viện kiểm sát tranh luận, Về mức hình phạt đối với bị cáo P, bị cáo P có 01 tiền án, so sánh các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì mức hình phạt mà bị cáo P bị áp dụng phải cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo D2. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo P từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt đối với bị cáo P là 02 năm tù.

Lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày rất hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản khám nghiệm hiện trường, đo đạc khối lượng gỗ, Kết luận định giám định loại gỗ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 23/6/2024, tại xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng, mặc dù không có giấy phép khai thác nhưng các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2 đã cùng nhau chặt hạ 01 cây gỗ nghiến thuộc bảng IIA trong nhóm II, thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại vị trí có toạ độ E00460225; N02535227, số lô 16, khoảnh 6, tiểu khu D, trạng thái rừng rừng tự nhiên, núi đất, rừng lá rộng thường xanh nghèo, có chức năng là rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng là chủ quản lý. Tổng khối lượng cây gỗ nghiến là 19,462 m^3.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, buộc các bị cáo phải nhận thức được không có giấy phép khai thác cây nghiến mà cố ý chặt hạ cây nghiến là vi phạm pháp luật, đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản với tình tiết định khung hình phạt *"Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc* ***từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ*** *thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA"* theo điểm b, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 02/CT-VKSBL ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án đồng

phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò các bị cáo như sau: Các bị cáo đều là người thực hành, bị cáo V khởi xướng chặt cây, rủ các bị cáo C1, P, bị cáo chủ động ứng tiền cung cấp nhiên liệu phục vụ việc chặt hạ cây, sẽ hưởng lợi từ việc chặt cây cùng với bị cáo C1 và bị cáo P nên bị cáo V có vai trò cao hơn các bị cáo khác. Tổng khối lượng cây gỗ nghiến bị chặt hạ trái phép là 19,462 m^3, do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung theo điểm b, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần thiết phải xử lý thật nghiêm các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo V, C1, S, Là không được đi học nên không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo D2 có trình độ học vấn thấp lớp 2/12 phổ thông, các bị cáo P, D1 được bố mẹ nuôi dưỡng, học tập đến lớp 7/12 phổ thông nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Các bị cáo V, C1, S, D1, Là không có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo P có 01 tiền án chưa được xoá án tích theo Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 21/4/2020 của Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, do đó, bị cáo P có nhân thân xấu; bị cáo D2 không có tiền án, tiền sự, nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép theo Quyết định xử phạt hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 14/3/2023 của Công an huyện B, điều đó cho thấy bị cáo chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo D2 có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo P phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo còn lại khác không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mục đích khai thác gỗ của các bị cáo là sẽ sử dụng số gỗ khai thác được để làm nhà mới, sửa chữa nhà dột nát nhưng các bị cáo chưa được sự phép của các cơ quan chức năng đã tự ý khai thác gỗ trái phép có một phần nguyên nhân là do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lý Sìa S2 sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nhận thấy lỗi lầm của bản thân, đã đến Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng để đầu thú nên bị cáo S2 được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo P, D2 có nhân thân xấu, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và răn đe đối với các bị cáo; Các bị cáo khác, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó, không cần thiết phải buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ để các bị cáo trở thành công dân tốt, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Về mức hình phạt, căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, bị cáo P và bị cáo V cần bị xử phạt mức phạt cao hơn các bị cáo khác, bị cáo S2 bị mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị cho các bị cáo mức hình phạt như nhau, mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù là không có cơ sở chấp nhận; Mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đối với các bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4, Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi công khai tại phiên toà, xác định, các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với phần gốc cây gỗ nghiến, các khúc cây, 01 máy cưa cầm tay màu vàng cam, đã qua sử dụng là vật chứng vụ án, cần tịch thu, phát mại để nộp vào ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đối với 01 con dao quắm, đã qua sử dụng, không có giá trị, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xác nhận, toàn bộ khối lượng cây gỗ nghiến đang do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng trông coi, bảo quản; các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 13 ngày 09/01/2025.

[11] Về án phí hình sự: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng xét đơn xin miễn án phí của các bị cáo tại phiên toà, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã

hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được miễn án phí điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[13] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, không phạt bổ sung bị cáo, xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, những đề nghị nào phù hợp thì được chấp nhận, những đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận; Lời nói sau cùng của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2 phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

* Hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí L2.

Xử phạt bị cáo Lý Mí V 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Lý Mí C1, Lý Mí D1, Lý Mí L2 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lý Sìa S2 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Mí D2.

Xử phạt bị cáo Lý Mí D2 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Mí P.

Xử phạt bị cáo Lý Mí P 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Giao các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí L2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự".

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách:

+ 01 chiếc cưa cầm tay màu vàng cam, đen, không rõ nhãn hiệu, bên ngoài thân máy có ghi chữ "Husqvarna Special 365", có gắn lưỡi lam dài 96,6cm, bản rộng nhất 9,8cm có gắn xích cưa (đã qua sử dụng).

+ Phần gốc cây gỗ nghiến có đường kính 2,1 mét tại vị trí cắt; phần gốc: 0,515m^3; khúc 1 có chiều dài 14,7m, đường kính trung bình 1,04m, khối lượng là 12,481 m^3; khúc 2 có chiều dài 8,6m, đường kính trung bình 0,72m, khối lượng là 3,499 m^3; khúc 3 có chiều dài là 10,5m, đường kính trung bình 0,6m, khối lượng là 2,967 m^2.

- Tịch thu, tiêu huỷ: 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen dài 64cm, lưỡi dao dài 36cm, bản rộng nhất 5,2cm; phần cán dao bằng gỗ màu nâu, hình trụ, dài 28cm (đã qua sử dụng).

Xác nhận, toàn bộ khối lượng cây gỗ nghiến đang do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng trông coi, bảo quản; các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 13 ngày 09/01/2025.

4. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lý Mí V, Lý Mí C1, Lý Mí P, Lý Sìa S2, Lý Mí D1, Lý Mí D2, Lý Mí L2.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Phân trại tạm giam BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim